

ĐÔ THỊ HÓA Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG - XU THẾ TẤT YẾU CỦA PHÁT TRIỂN

NGUYỄN QUANG VINH

Các quan hệ đô thị cũng như các trung tâm đô thị đan thành mạng lưới trên vùng đồng bằng sông Cửu Long phì nhiêu này là một chiều kích quan trọng của tiến trình nghiên cứu phát triển đối với vùng cực Nam của đất nước. Khách từ phương xa tới, sẽ không khỏi rạo rục khi gặp gỡ với nhịp sống thị thành ngay giữa lòng châu thổ. Thị trấn trên bến dưới thuyền, thị xã ven biển hay kê bên cửa sông, thành phố có hương cảng và sân bay..., tất cả, tuy quy mô còn khiêm tốn, song đã là kết quả của mấy thế kỷ tiến hóa và tích hợp, là chỉ dấu đáng quý của tăng trưởng và phát triển.

Tuy nhiên, so với trình độ đô thị hóa chung của cả nước (trên 20% vào năm 1993), thì chỉ số này ở đồng bằng sông Cửu Long chỉ mới đạt tới mức xấp xỉ 16%. Trong khi đó, cũng ở vùng Nam Bộ, một khu vực có trình độ đô thị hóa cao hơn (tức miền Đông Nam Bộ, bao gồm cả Thành phố Hồ Chí Minh), chỉ số nói trên đã đạt tới 46% vào năm 1993.

Thực ra, những chỉ số tổng quát vừa được đề cập đến vẫn chưa nói lên được gì nhiều về con đường đô thị hóa gặp ghềnh mà vùng đồng bằng sông Cửu Long đã trải qua. Đã có một lúc nào đó, một số nhà quan sát nước ngoài, căn cứ vào chỉ số nhỏ bé 16% đã thốt lên một lời nhận xét có phần hơi giản lược rằng, xét về trình độ đô thị hóa, thì cho đến giữa những năm 90, đồng bằng sông Cửu Long cũng vẫn còn là "một vùng thôn quê xanh tươi"(!). Vậy thì nhận xét đó là thỏa đáng hay không thỏa đáng? Các cơ cấu đô thị đã và đang đóng vai trò gì trong việc kéo các địa bàn nông thôn trong vùng tiến lên? Sức sống và triển vọng phát triển của thành phố Cần Thơ, 14 thị xã, thị trấn cấp tỉnh và 82 thị trấn, thị tứ cấp huyện trên toàn vùng, với số dân 2.364.500 người (vào năm 1993), cần phải được lượng định ra sao? Thiết tưởng đó là thao tác cực kỳ thiết yếu của tiến trình nghiên cứu phát triển đối với vùng đất có tầm quan trọng kinh tế sống còn này của đất nước. Một cái nhìn lịch sử đối với sự tiến hóa của các quan hệ đô thị ở đồng bằng sông Cửu Long trở nên một nhu cầu học thuật bức thiết.

I. Nhìn lại lịch sử và hiện trạng các quan hệ đô thị ở đồng bằng sông Cửu Long.

Đồng bằng sông Cửu Long là một vùng đất chỉ mới được khai phá và phát triển đáng kể trong vòng 300 năm trở lại đây. Điềm xuất phát của hoạt động kinh tế trong vùng là *nền sản xuất lúa hàng hóa của một cơ cấu xã hội tiểu nông đặc thù*. Sự ra đời của các yếu tố thị tứ, và sau đó là các thị trấn và một thành phố duy nhất trong vùng, cũng gắn liền trước hết với một xã hội làm lúa, buôn bán, chế biến và xuất khẩu lúa gạo. Đặc điểm này đã để lại dấu ấn rõ nét trên mạng lưới các quan hệ đô thị, làm nên điểm mạnh và điểm yếu của chính mạng lưới ấy và sẽ còn theo đuổi dòng mạch tiến hóa của các đô thị trong vùng sang tới đầu thế kỷ sau.

Khu vực I của nền kinh tế đồng bằng sông Cửu Long vẫn luôn luôn đeo bám tư duy chiến lược phát triển vùng; vẫn có mặt trong một phương án phát triển; và có mặt trong

chiến lược phát triển các nguồn nhân lực, trong chiến lược con người và chiến lược phát triển thị dân ở nơi đây. Và nếu như, trong một tương lai gần, ý tưởng về sự khởi phát có chủ đích một nhánh của quá trình đô thị hóa xuất phát từ phía nông thôn được chấp nhận, thì đó cũng chính là sự tôn trọng phép biện chứng khách quan của quá trình đô thị hóa trên một vùng đất nông nghiệp mạnh nhất trong cả nước.

"*Chiến tranh nóng tại chỗ và chính sách đô thị hóa cưỡng bức*" phục vụ chiến tranh xâm lược cũng là một nhân tố rất quan trọng, làm nên nhịp độ phát triển thăng trầm của các đô thị lớn nhỏ tại đồng bằng sông Cửu Long. Hơn nữa, trạng thái mất quân bình trong nhiều mặt của chất lượng đô thị cũng là sản phẩm của một chặng đường lịch sử đô thị hóa không bình thường trong thập kỷ 60 và 70 của thế kỷ này.

Chúng ta hãy cùng đi sâu hơn vào các tiến trình lịch sử, với các dẫn liệu thực tế cụ thể hơn.

1. Thời kỳ trước khi Pháp sang.

Ngay từ những ngày đầu khai phá đất đai để triển khai sâu rộng một nền nông nghiệp lúa nước trên vùng đất mới, các lưu dân người Việt đã xây dựng quần cư trên các thềm đất cao, sau đó, mở rộng ra các dải đất bãi ven sông. Nhiều mô hình quần cư khác nhau đã nảy sinh trên miền đất này, song đặc trưng nổi bật nhất vẫn là dạng quần cư "hình dây", nương theo các tuyến sông và kênh rạch tự nhiên hoặc nhân tạo. Các quần cư này vốn không khép kín về mặt địa dư; còn các cộng đồng xã hội thôn ấp thì lại không quá kiên cố, bất động. Chúng luôn luôn gắn liền với một phong cách di chuyển dân cư năng động, do một hệ thống các nhu cầu khai phá, sản xuất, giao lưu kinh tế đặc thù quy định. Cảnh quan tự nhiên chằng chịt sông rạch của đồng bằng sông Cửu Long cũng là một tiền đề địa lý - vật lý góp phần quy định chằng những sự tạo hình của các thôn ấp, mà còn quy định trong một chừng mực đáng kể sự nảy nở và phân bố các yếu tố thị tứ trong vùng. Dạng thái phổ biến của các tụ điểm mang yếu tố thị tứ này là các chợ, các trại và các trạm.

Trước hết, đó là các chợ bán sỉ, bán lẻ lúa gạo, heo giống, trái cây, đồ mộc, đồ đan lát, dao kéo thô sơ sản xuất từ lò rèn thủ công, đồ dùng bằng đá đẽo gọt, thực phẩm chế biến kiểu dân gian, than hầm, củi đuốc, thậm chí cả xuồng ghe hay tơ lụa... Các tụ điểm đó còn là các trại sản xuất tiêu, thủ công nghiệp, chuyên chế tác đồ mộc gia dụng, cối xay lúa, đóng và sửa chữa ghe thuyền tại chỗ... Đó còn là những trạm dừng chân trên đường dài của các khách thương hồ, là trạm "dịch vụ" sửa chữa, bảo trì, tiếp tế nước ngọt (còn gọi là các "bến dổi",) cho các chuyến ghe thuyền vận tải đường xa. Các tên đất như "Xóm Cối", "Trại Cối" trên địa bàn này là những chứng tích của sự ra đời hoạt động phi - nông nghiệp chế biến lúa gạo, gắn liền với nghề "hàng xáo" - một thành tố mới của cơ cấu ngành nghề trong cư dân đồng bằng sông Cửu Long¹.

Đứng từ góc độ khảo sát sự ươm mầm của các yếu tố đô thị thô sơ nhất, có thể thấy các điểm thị tứ trên địa bàn đồng bằng sông Cửu Long ngày ấy là nơi tích hợp các sản phẩm nông nghiệp và phi nông nghiệp trong vùng. Ở đây, người ta trao đổi các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt, hái lượm chỉ mới vừa sơ chế (như gạo quê, thuốc lá xắt nhỏ, cơm dừa, sáp ong, yến sào, da trâu, da nai, các loại thuốc nam); hoặc trao đổi các sản phẩm phi nông nghiệp đã chế tác trọn vẹn (như vải, lụa, đường cát, đậu phộng, bánh phồng, nước.

1. Xem thêm - Huỳnh Lứa (chủ biên): *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh. 1987, tr. 89 - 91- Thạch Phương (Luu Quang Tuyền (chủ biên): *Địa chỉ Long An*. NXB Long An và NXB Khoa học xã hội, 1989, tr. 356

mắm, quạt lông, bị bàng, lò lợp đánh cá, xuồng nhỏ, buồm vải hoặc buồm lác dùng cho ghe thuyền đi trên sông hoặc các vùng cận duyên...). Một số thị tứ ở Long An còn phát triển nghề gia công đồ kim hoàn tinh xảo, sau này cung ứng tới khách hàng tận Chợ Lớn, Nam Vang (chợ Phước Vân, huyện Cần Đước), hoặc phát triển nghề rèn nông cụ, dao rựa cầm tay ở các lò rèn Thủ Thừa, Bến Lức, Cần Giuộc...

2. Thời kỳ thuộc Pháp.

Điều lý thú là sự xuất hiện của các thị trấn cận đại ở đồng bằng sông Cửu Long lại gắn mật thiết với việc phát triển nhảy vọt của sản xuất lúa gạo theo hướng xuất khẩu, vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Ngay sau khi đánh chiếm Nam Bộ và thiết lập chế độ thuộc địa, người Pháp đã lập tức hướng sự quan tâm của họ tới việc thúc đẩy vượt bậc sản xuất lúa gạo ở đồng bằng sông Cửu Long nhằm mục tiêu xuất khẩu. Trong mấy thập niên cuối thế kỷ trước cho đến năm 1939, người Pháp đã xuất khẩu qua cảng Sài Gòn hàng năm ngót 1 triệu tấn gạo của toàn Đông Dương, trong đó phần đóng góp của vựa lúa đồng bằng sông Cửu Long là rất to lớn.

Bốn yếu tố thúc đẩy nhanh chóng việc sản xuất, chế biến, buôn bán lúa gạo dường như *cùng đồng thời là các yếu tố thúc đẩy hình thành các thị trấn cận đại ở đồng bằng sông Cửu Long*. Đó là: (a) nhịp độ đào kinh xáng tăng vượt bậc; (b) mở đường xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho; (c) phát triển vận tải bằng tàu thủy trên sông; (d) phát triển hệ thống đường giao thông trên bộ. Từ năm 1890 đến năm 1936, sau gần 50 năm, tại đồng bằng sông Cửu Long đã có thêm 1.360 km kênh chính và 2.500 km kênh phụ được đào bằng xáng cạp và thủ công. Kinh Chợ Gạo được đào vào cuối thế kỷ XIX trong thốt thời gian kỷ lục với 40.000 nhân công hoạt động liên tục. Vào những năm đầu thập niên của thế kỷ này, sự ra đời của kinh xáng Xà No đã giúp vận tải lúa gạo từ Rạch Giá lên Sài Gòn rất tiện lợi, các kinh đào Ngã Năm (Rạch Giá) và Ngã Bảy (Cần Thơ - Phụng Hiệp) hoàn thành vào các năm 1906 - 1908 không phải chỉ đem đến khả năng rửa chua cho miền tây sông Hậu, tăng cường giao lưu lúa gạo mà còn làm đậm lên các tiền đề vật chất cho tính cơ động của lối sống dân cư ở tiểu vùng xa với miệt vườn và xa đô thị lớn Sài Gòn. Lại nữa, con đường xe lửa Sài Gòn Mỹ Tho khánh thành vào năm 1883, và sau đó là sự ra đời của tuyến tàu thủy chạy máy đường sông nối liền Sài Gòn - Nam Vang, đi qua Mỹ Tho, Vĩnh Long, Sa Đéc, Cao Lãnh, Hồng Ngự, Tân Châu... cũng cần được xem như một yếu tố giúp tăng cường tính đô thị của nhiều thị tứ trong vùng. Vào năm cuối cùng của thế kỷ XIX (1899), trong khi tỉnh lỵ Cần Thơ có 10.000 dân thì tỉnh lỵ Mỹ Tho, với đường xe lửa và đường tàu thủy chạy qua, đã tích tụ đến 20.000 thị dân, chủ yếu là hoạt động phi công nghiệp. Bên cạnh mạng lưới giao thông thủy, thì từ 1880 đến 1913, trong vùng đồng bằng sông Cửu Long đã xây dựng xong 3.000 km đường bộ bao gồm đường thuộc địa (quốc lộ) và đường liên tỉnh. Đó là chưa kể, chuyến máy bay đầu tiên Sài Gòn - Gò Công đã xuất hiện vào năm 1913 và 4 năm sau, lễ khai thị Gò Công đã diễn ra thật náo nhiệt tung bừng với bao câu hát dân gian còn ghi dấu lại. Đây đó, những dấu hiệu rất mới của nếp sống thị thành đã được ghi nhận ở các phố chợ và thậm chí ở cả một vài xóm ấp miệt vườn: những chiếc xe đạp đầu tiên của người buru tá, những cái máy hát chạy dây cót đầu tiên, những cuốn sách và trang báo quốc ngữ đến từ Sài Gòn... Một số nhà hào phú đã có thể nghĩ đến việc gửi con cái sang Tây du học. Các cuộc thi đấu hay trình diễn đua tài của các hội đá banh, các đội võ sĩ gia đình, các nhóm ca nhạc tài tử dường như ngày càng nhuộm màu lối sống thời gian rảnh rỗi kiểu thị thành.

Rõ ràng là mối quan hệ giữa thị tứ với các thôn ấp nội vùng và sự tiếp nối của đồng bằng sông Cửu Long với Sài Gòn (thương cảng xuất khẩu gạo lớn nhất Đông Dương) đã

khiến cho, trong vòng 70 - 80 năm, các đặc điểm đô thị được tô đậm dần lên trong vùng này. Lần đầu tiên từ thuở bắt đầu khai phá, mầm móng thị dân đã manh nha trong một số tầng lớp trên của xã hội, trong giới thương nhân và thợ thủ công. Tuy nhiên, phải nhận rằng tính chất *động lực kinh tế* của các thị tứ trong vùng đồng bằng sông Cửu Long (kể cả Mỹ Tho, Vĩnh Long phía sông Tiền, lẩn Cần Thơ phía tây sông Hậu), mãi cho đến năm 1945, vẫn còn nằm ở mức độ khá thấp. Sự lấn lướt về uy lực đô thị của trung tâm Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định là một hiện thực hiển nhiên. Đành rằng tại điểm đô thị lớn nhất trong vùng là Cần Thơ người Pháp đã xây lên các khu hành chính, khu chợ, nhà máy điện, nhà máy nước, ngân hàng, trường trung học v.v..., song bản sắc kinh tế và văn hóa của thành phố Cần Thơ vẫn không phát lộ ra được một cách rõ nét. Tình trạng này sẽ còn kéo dài trong nhiều thập kỷ tiếp theo, dù rằng ở thời kỳ 1954 - 1975, thành phố này đã có phải mạnh lên nhờ một hiệp đô thị hóa đặc biệt, dưới tác động của nhu cầu chiến tranh và chính sách đô thị hóa cưỡng bức của Mỹ¹

3. Thời kỳ 1955 - 1975.

Từ năm 1955 (và nhất là từ 1960) đến 1975, đồng bằng sông Cửu Long trải qua một chặng đường đô thị hóa đặc biệt. "Chương trình đô thị hóa cưỡng chế" do Mỹ chủ trương - nói theo Kenneth Young trong một bài báo đăng trên tạp san *Nghiên cứu châu Á* (tiếng Anh) năm 1967 - là nhằm sử dụng bạo lực chiến tranh để "sắp xếp lại" các thành thị, phá tan chiến lược của đối phương, tạo ra những vùng phồn thịnh nhằm tranh giành dân chúng, và có điều kiện để dễ thương lượng với đối phương khi cần thiết. Đó là nguồn gốc của một dòng dân tị nạn khổng lồ từ nông thôn tràn về các đô thị miền Nam thời bấy giờ.

Điểm lại các trung tâm đô thị lớn nhất trong vùng đồng bằng sông Cửu Long trong thời kỳ này, có thể thấy sự tăng trưởng của cư dân đã diễn ra với nhịp độ rất cao. Trong vòng 15 năm, từ 1960 đến 1975, dân số thành phố Cần Thơ, các thị xã Mỹ Tho, Rạch Giá, Long Xuyên đều tăng lên khoảng 300%, tức bình quân 20% mỗi năm, chủ yếu là do tăng cơ học từ nguồn dân nông thôn di cư vào đô thị. (Xem bảng 1).

Riêng đối với Cần Thơ, thời kỳ đó Mỹ có chủ trương phát triển thành phố này thành một trung tâm công nghiệp và một đầu mối thương mại lớn của toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long, nối liền Sài Gòn với tiểu vùng tây sông Hậu. Lấy Cần Thơ làm trung tâm, chủ trương đô thị hóa vùng tây sông Hậu (gắn với mục tiêu chiến tranh và giành giật dân) còn nhằm triển khai hai tuyến quan hệ đô thị mạnh là Cần Thơ - Long Xuyên và Cần Thơ - Sóc Trăng. Trên thực tế, tham vọng này chỉ mới được hiện thực hóa có một phần. Trong gần hai thập kỷ, nhờ việc gây dựng trung tâm thương mại Cần Thơ và nhất là phát triển cơ chế buôn bán đường dài hai chiều - đưa hàng công nghiệp xuống nông thôn và gom nông sản về các thành phố - Cần Thơ đã đóng được vai trò đáng kể về một giao lưu hàng hóa.

Có thể nói, như nhận xét của một nhà xã hội học, Cần Thơ đã thực hiện được vào thời đó "chức năng cung cấp, tích trữ và tái phát hàng hóa" từ Sài Gòn và các đô thị khác (kể cả một phần nhỏ sản xuất tại chính Cần Thơ) cho vùng nông thôn rộng lớn đang bùng nổ phát triển nông sản hàng hóa ở phía Tây sông Hậu². Chương trình xây dựng một khu công nghiệp liên hoàn, với sân bay, bến cảng (mà trọng tâm là muốn phát triển năng lực chế biến nông hải sản, sản xuất đồ hộp, bột giấy, thức ăn gia súc, phân bón và lắp ráp

1. Xem thêm: Đỗ Thái Đồng: *Cần Thơ nhìn từ tây sông Hậu*. Tạp chí Khoa học Xã hội: 1991, số 10. tr. 30 - 31.

2. Đỗ Thái Đồng. *tài liệu đã dẫn*. Xem thêm: Trần Văn Tư: *Từ vấn đề đô thị hóa, nghĩ hướng đi lên của thành phố Cần Thơ*. Tạp chí Khoa học Xã hội 1989, số 1 tr 35.

Bảng 1: Tăng trưởng dân số 1960 - 1975 tại các đô thị đồng bằng sông Cửu Long
(Đơn vị: ngàn người dân)

Các đô thị đồng bằng sông Cửu Long	1960	1964	1968	1970	1971	1975
Cần Thơ	49	60	88	116	154	180
Mỹ Tho	40	63	80	110	110	120
Rạch Giá	37	50	61	81	104	100
Long Xuyên	23	25	47	73	101	-
Sa Đéc	-	-	-	48	-	-
Bạc Liêu	-	-	-	16	-	-

Nguồn: Biên soạn lại theo cuốn "Urbanization in Vietnam 1976 - 1983". tr. 124.

máy cày nhỏ) thực tế chỉ mới được khởi động và còn đang dang dở. Thêm vào đó, tính chất "trại lính" của Cần Thơ, như là cơ sở đầu não quân sự vùng IV chiến thuật, cũng là một nhân tố gây cản ngại cho việc hình thành cân đối các thuộc tính đô thị đích thực. Đội ngũ công nhân kỹ thuật ở đây đã bước đầu được hình thành đậm nét hơn so với các đô thị khác trong vùng về cả số lượng và chất lượng, song cho đến năm 1975, cơ cấu và năng lực lao động công nghiệp ở đây vẫn chỉ là một bóng mờ so với Sài Gòn. Cần Thơ vẫn chưa gánh được bao nhiêu khối lượng chế biến các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp trong vùng, trong lúc Sài Gòn đã nhận lãnh đến 70% hoạt động chế biến của cả miền Nam Việt Nam thời đó. Do vậy, xét đến cùng, tác động của Cần Thơ và mạng lưới đô thị địa phương gắn với nó, cũng mới chỉ chủ yếu dừng lại ở lĩnh vực thúc đẩy quan hệ giao lưu thương mại nông thôn - thành thị.

Với một thực trạng năng lực đô thị như thế, thì theo nhiều nhà quan sát, nhịp độ tích tụ nhanh chóng đông đảo dân cư vào Cần Thơ thời kỳ 60 - 75 đã có phần vượt quá nhịp độ phát triển các năng lực tạo thành phố, và Cần Thơ có thể được coi là một thành phố hàng đầu của vùng có chất lượng đô thị hóa thấp và không cân đối.

Từ đây, có thể rút ra hai nhận xét khái quát về hiệp đô thị hóa đặc thù này của đồng bằng sông Cửu Long, đặt trong toàn cảnh của mạng lưới đô thị miền Nam thời đó:

Một là, tuy số lượng dân cư đô thị đồng bằng sông Cửu Long tăng nhanh, song tính chất đô thị hóa trong giai đoạn này còn mang đậm dấu ấn của chiến tranh nóng và của chính sách thu hút định cư vào đô thị để "bình định nông thôn".

Hai là, Sài Gòn vẫn luôn luôn là cực đô thị có uy lực lấn át đối với đồng bằng sông Cửu Long và toàn Nam Bộ. Hầu hết các hoạt động hướng ra bên ngoài, hoặc đòi hỏi kỹ thuật tương đối cao, thông tin sâu, công nghệ chế biến tương đối tinh xảo đều phải đi qua "cửa" Sài Gòn. Đặc điểm thứ hai này còn tiếp tục kéo dài ngay cả khi chiến tranh đã chấm dứt và đáng được coi là một hiện thực rất quan trọng cần cân nhắc tới khi xác lập chiến lược phát triển dài hạn cho đồng bằng sông Cửu Long và cho hiệp đô thị hóa quan trọng sắp tới của vùng đất này.

4. Đồng bằng sông Cửu Long và các đô thị trong vùng từ ngày đất nước thống nhất.

Trong vòng hai thập kỷ trở lại đây, từ khi đất nước thống nhất, các đô thị đồng bằng

sông Cửu Long trải qua hai thời kỳ rất đặc trưng:

- 1976 - 1985 là, thời kỳ trì trệ. GDP tăng trưởng rất chậm, các đô thị trong vùng xuống cấp cả về trang bị kỹ thuật và năng lực lao động ở khu vực II và III. Uy lực của mạng lưới đô thị trong đời sống kinh tế toàn vùng vốn đã không cao, lại bị giảm sút thêm do những thiếu sót trong chính sách phát triển cho cả nông thôn lẫn đô thị. Ở thời kỳ này, nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm của đồng bằng sông Cửu Long chỉ đạt được 1,5% (chỉ bằng một nửa mức tăng GDP bình quân hằng năm vốn đã rất thấp của cả nước thời kỳ ấy, là 3%) .

- Thời kỳ 1986 - 1994, nhờ tác động tích cực của chính sách đổi mới kinh tế, các đô thị trong vùng đang gượng dậy với hoạt động xây dựng và dịch vụ có khởi sắc, đạt mức 19% trong cơ cấu GDP toàn vùng năm 1992, so với 14,2% trong năm 1986, khi bắt đầu thời kỳ đổi mới. Mức tăng bình quân giá trị sản lượng công nghiệp đồng bằng sông Cửu Long mấy năm đầu đổi mới đạt 7,4%, đã vượt tới mức tăng bình quân trên 10% trong các năm 1991 - 1993, vượt hơn cả mức tăng trưởng công nghiệp chung của cả nước (nếu không kể phần dầu khí). Khả năng chế biến thủy hải sản tại các điểm đô thị trong vùng cũng đang tăng nhanh, làm cho phần đóng góp của đồng bằng sông Cửu Long vào cơ cấu thủy hải sản xuất khẩu cả nước đạt đến tỷ lệ 65%.

Nhìn lại một cách tổng quát, sau 8 năm thực hành đổi mới, với 2,3 triệu dân đô thị, các thành phố, thị xã, thị trấn, thị tứ ở đồng bằng sông Cửu Long đang đảm nhiệm hầu hết các hoạt động ở khu vực II và khu vực III, tạo ra trên 40% GDP của toàn vùng. Mặc dầu cơ cấu đô thị còn nhiều yếu kém và khiếm khuyết, giờ đây không thể coi đồng bằng sông Cửu Long vẫn là "một vùng nông thôn xanh tươi" nữa.

Vào thời điểm lịch sử này, đồng bằng sông Cửu Long đang đứng trước một lựa chọn chiến lược cho sự phát triển lâu bền trong tương lai, trong đó việc xác lập các con đường thích hợp cho xu thế tiếp tục đô thị hóa có một tầm quan trọng sống còn.

II. Đô thị hóa đồng bằng sông Cửu Long nhìn dưới góc độ của ba phương án phát triển vùng.

1. Chương trình nghiên cứu Quy hoạch tổng thể đồng bằng sông Cửu Long đã xác lập được ba phương án phát triển toàn vùng để công hiến cho sự lựa chọn chiến lược của các nhà lập chính sách. Đó là phương án I "Thúc đẩy các ngành trong khu vực I"; phương án II "Phát triển các ngành trong khu vực I có bổ sung" và phương án III "Đa dạng hóa toàn diện nền kinh tế. Với tiếp cận đô thị hóa, chúng ta hãy cùng khảo sát và phân tích các viễn cảnh phát triển khác nhau do mỗi phương án kê trên đem lại.

Theo quan điểm của chúng tôi, với đà phát triển nông nghiệp hiện nay, phương án I có thể được thực hiện không mấy khó khăn, nhưng có thể dẫn đến những hậu quả tiêu cực về triển vọng đô thị hóa. Trong khi đó, phương án III lại giả định một nhịp độ tăng trưởng quá nhanh cho tiềm lực đô thị, đòi hỏi một khối lượng đầu tư về vốn, về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội tương ứng quá cao; đòi hỏi năng lực người lao động phi nông nghiệp và năng lực quản lý đô thị tăng lên vượt bậc..., rất khó có thể đáp ứng được.

Cũng cần trở lại để xem xét những gì có thể xảy ra với phương án I, trong bối cảnh của Nam Bộ 25 năm sắp tới. Rất nên lưu ý rằng, nếu như được lựa chọn, thì phương án "Thúc đẩy các ngành trong khu vực I" sẽ được triển khai cùng lúc với sự tăng trưởng nhanh của cơ cấu đô thị "Địa bàn kinh tế trọng điểm phía Nam" (Thành phố Hồ Chí Minh - Biên

Bảng 2: Dự báo phân bố dân số đô thị - nông thôn theo ba phương án phát triển đồng bằng sông Cửu Long

PHƯƠNG ÁN	Thúc đẩy các ngành trong khu vực I			Phát triển các ngành trong khu vực I có bổ sung			Đa dạng hóa toàn diện nền kinh tế	
	(I)			(II)			(III)	
Năm	1990	2000	2015	2000	2015	2000	2015	
Dân số (triệu)	14,6	17,9	23,7	17,9	23,7	17,9	23,7	
- Thành thị	2,3	2,9	4,8	3,2	7,1	3,7	9,5	
- Nông thôn	12,3	15,0	18,9	14,7	16,8	14,2	14,2	
Tỷ lệ đô thị hóa (%)	16	16	20	18	30	21	40	
Tỷ lệ phát triển đô thị hàng năm (%)	2,2	2,4	3,4	3,5	5,4	4,9	6,4	

Nguồn: "Quy hoạch tổng thể đồng bằng sông Cửu Long", 1993, tr. 55 (bản tiếng Việt). (Những số liệu được gạch dưới là của tác giả nhấn mạnh).

Hòa - Bà Rịa - Vũng Tàu). Trong lúc đó, nghề trồng lúa ở đồng bằng sông Cửu Long sắp đi tới một cái "ngưỡng" không cho phép thu hút thêm nhiều nhân lực cho khu vực I nữa. Tình huống này có nhiều khả năng sẽ tạo ra một luồng di dân nguy hiểm từ đồng bằng sông Cửu Long về phía các đô thị của tam giác tăng trưởng phía Nam, chứ không phải về phía các đô thị của đồng bằng sông Cửu Long. Quan điểm đầu tư cho đô thị đồng bằng sông Cửu Long ở phương án I sẽ làm cho tỷ lệ đô thị hóa ở vùng này không nhúc nhích cho đến năm 2000, và cũng sẽ chỉ nhích lên một ít từ năm 2000 đến năm 2015. Uy lực đô thị hóa của đồng bằng sông Cửu Long sẽ ngày càng giảm sút đi tương đối so với cực Sài Gòn - Biên Hòa - Bà Rịa - Vũng Tàu, và quá trình đô thị hóa bằng chính nội lực của đồng bằng sông Cửu Long sẽ khó có thể thực hiện được.

Phương án trung gian "Phát triển các ngành khu vực I có bổ sung" do đó, tỏ ra có tính hiện thực và thích đáng hơn cả. Từ góc độ nghiên cứu xu thế đô thị hóa, có thể coi đây là phương án thúc đẩy nhịp độ đô thị hóa thích hợp và "vừa sức". Nó sẽ tạo ra môi trường kinh tế, công nghệ, lao động kỹ thuật và quản lý cho sự tăng trưởng khu vực II và III, đồng thời thúc đẩy khả năng tạo thị trường và tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của khu vực I. Với nhịp độ tăng trưởng của phương án trung gian, khả năng tác động hữu hiệu của hệ quản lý tới việc mở rộng vững chắc lực lượng lao động ngoài khu vực I là có thể đưa vào dự báo được. Phương án này cũng cho phép việc mở rộng cơ cấu năng lực cho người lao động công nghiệp, dịch vụ đô thị, cũng như cho lao động phi nông nghiệp trong các thôn ấp có đủ điều kiện và thời gian để kịp "trở bộ".

2. Theo các tính toán có cân nhắc thận trọng của phương án II, thì sự biến đổi quy mô và cơ cấu việc làm ở khu vực công nghiệp và dịch vụ đô thị (chưa tính các việc làm

phi nông nghiệp trong nông thôn) sẽ diễn ra từ nay cho đến 2015 như sau:

Bảng 3: Triển vọng phát triển việc làm các ngành ngoài khu vực 1 theo phương án trung gian.
(Đơn vị: 1000 việc làm)

Việc làm các ngành ngoài khu vực I ở ĐBSCL	1990	2000	2015
Công nghiệp chế biến	110	160	390
Xây dựng	50	100	330
Dịch vụ thương nghiệp	440	550	1.020
Dịch vụ ngoài thương nghiệp	200	270	580
Hoạt động phi nông nghiệp khác	380	360	780
Tổng cộng	1.180	1.540	3.100

Nguồn: Biên soạn lại theo "Quy hoạch tổng thể đồng bằng sông Cửu Long" 1993, tr. 56.

Như vậy, theo phương án II, trong vòng 25 năm (từ 1990 - 2015), dân số đô thị đồng bằng sông Cửu Long sẽ tăng lên gấp 3 lần, việc làm ở khu vực II, và III sẽ tăng lên 2,6 lần. Trong đó, việc làm trong ngành xây dựng tăng mạnh nhất: 6,6 lần (do nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng và các đô thị tăng nhanh); việc làm trong ngành công nghiệp chế biến tăng 3,5 lần; trong dịch vụ ngoài thương nghiệp tăng 2,9 lần; trong dịch vụ thương nghiệp tăng 2,3 lần và việc làm trong các hoạt động phi-nông nghiệp khác tăng 2 lần.

3. Nhưng, vấn đề ở đây là không thể chỉ xem xét quá trình tiếp tục đô thị hóa đồng bằng sông Cửu Long dưới góc độ các chỉ tiêu tăng trưởng tổng quát nhất của các tiềm lực có tính đô thị. Một vấn đề không kém phần quan trọng là cho đến hiện nay, chính *hình thái của hệ thống đô thị* trong vùng đồng bằng sông Cửu Long vẫn chưa được xác lập rõ nét và nhất quán. Bên cạnh nhiều yếu tố khác, thì vấn đề quan hệ tương tác thành thị - nông thôn trong tiến trình phát triển nhanh chóng sắp tới, cần được xem xét như một yếu tố then chốt quy định hình thái của hệ thống đô thị sẽ định hình từng bước ở đồng bằng sông Cửu Long trong 25 năm tới (tính từ 1990). Mỗi bước phát triển đô thị và kinh tế đô thị phải hướng vào mục tiêu cải biến cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội nông thôn, kéo nông thôn tiến lên, "tự vượt mình" để ra khỏi trạng thái kinh tế tiểu nông và tình trạng suốt mấy thế kỷ chỉ quá chăm bẵm vào có mỗi cây lúa. Đô thị hóa với nhịp độ của phương án II cần hướng mạnh vào việc nâng cấp cho các sản phẩm nông, ngư, lâm nghiệp, khiến chúng có được giá trị thương phẩm và xuất khẩu cao hơn, và người nông dân cũng sẽ cùng được chia sẻ một phần lợi nhuận, chứ không bị bộ máy thị thành "ăn chặn trên đầu trên cổ họ. Đem các điểm đô thị lại gần các vùng nguyên liệu, nên chăng là một nguyên tắc của việc tạo lập hình thái của hệ thống đô thị trong một vùng vừa lúa và vừa tôm cá? Một hình thái đô thị như thế sẽ cho ta cách hiểu mới về cái gọi là "các thuộc tính của đô thị hóa đồng bằng sông Cửu Long": có những thuộc tính không nằm trong biên giới của các thị thành. Đô thị hóa, do đó, cũng có nghĩa là thay đổi và đa dạng hóa cơ cấu canh tác, cơ cấu sản phẩm khu vực I. Đô thị hóa cũng có nghĩa là thúc đẩy - thông qua cơ chế liên kết kinh tế - một quá trình hợp tác đa dạng liên nông hộ và thúc đẩy các hợp tác sản xuất trong thôn ấp đó với các định chế kinh tế công nghiệp và dịch vụ ở đô thị. Một tiếp cận "thoảng" về đô thị hoá như vậy

sẽ tạo điều kiện thúc đẩy cho cơ cấu kinh tế tiểu nông của đồng bằng sông Cửu Long được giải thể" một cách êm thấm theo chiều hướng tiến bộ kinh tế và tiến bộ xã hội. Và đó cũng là bước đi hợp lý để tránh tình trạng các đô thị trong vùng lớn mạnh lên, nhưng bỏ lại sau lưng chúng một vùng nông thôn tri trệ dậm chân tại chỗ, không viễn cảnh.

Ở đây, theo chúng tôi, ít nhất có ba quan điểm phát triển đô thị hoá cụ thể cần được nhấn mạnh:

a. *Đầu tư thích đáng về mọi để đủ sức nâng thành phố Cần Thơ lên thành trung tâm đô thị mạnh nhất của toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long, có sức dẫn đạo và cố kết toàn bộ mạng lưới đô thị trong vùng*¹. Với tiềm lực công nghiệp và dịch vụ thương mại được phục hồi và tăng cường, với thương cảng, sân bay và khu chế xuất có sắc thái độc đáo, Cần Thơ sẽ không phải là “một trong những” đô thị của đồng bằng sông Cửu Long, mà phải là thành phố đầu đàn, tạo động lực và quy định (trên những chiều hướng chính) nhịp tăng trưởng kinh tế, biến đổi cơ cấu và phát triển xã hội của toàn vùng, ít nhất là từ 2005. Một thành phố Cần Thơ mạnh sẽ là một bảo đảm thực tế (chứ không phải “trên nguyên tắc”) cho việc phân công, liên kết, tương tác hợp lý với thành phố Hồ Chí Minh và địa bàn kinh tế trọng điểm phía Nam, phát huy được những lợi thế tương đối của mình trong hợp tác và cạnh tranh, chứ không bị gạt ra bên lề vì thiếu thực lực và không bản sắc. Muốn vậy, phải ưu tiên nâng cấp cơ sở hạ tầng cho Cần Thơ - phố, Cần Thơ - cảng và Cần Thơ - khu chế xuất; tăng cường và trang bị lại từng phần cho trình độ công nghệ chế biến, chế tạo và dịch vụ. Đồng thời mở rộng khả năng đào tạo, nghiên cứu khoa học của Cần Thơ và nâng cao trình độ quản lý đô thị hoá theo quan điểm mới cho thế hệ các nhà quản lý trẻ sẽ xuất hiện trong một tương lai gần.

b. *Cùng với sự nâng cấp nhanh "thành phố động lực" Cần Thơ, một quá trình đô thị hoá thích hợp, dẫn đến sự hoàn thiện một mạng lưới các điểm đô thị từ nhỏ đến vừa và lớn, cũng là một tất yếu khách quan trong thời kỳ từ 1990 đến 2015. Một hoặc hai thị xã quan trọng như Vĩnh Long, Cà Mau có thể vươn lên trình độ thành phố loại II vào cuối thời kỳ này. Trong quá trình lựa chọn cụ thể, điểm nhân nên đặt vào vùng tây sông Hậu, do địa bàn này vừa có nhu cầu cấp bách vì xa thành phố Hồ Chí Minh, vừa có những điều kiện hiện thực sẵn sàng hơn.*

c. *Đô thị vừa có nghĩa là phát triển mạng lưới thành thị, vừa có nghĩa là làm cho chính địa bàn nông thôn được đô thị hóa. Quá trình này trước hết được thực hiện thông qua việc phát triển thành tổ phi-nông nghiệp trong kinh tế nông thôn, phát triển nhóm dân cư tách khỏi nghề nông mà vẫn không xa lìa môi trường thôn ấp.*

III. Vượt qua những thử thách lớn do thực hiện thành công một hiệp đô thị hóa mới tại đồng bằng sông Cửu Long.

1. *Gắn quản lý phát triển đô thị với phát triển nông thôn theo quan điểm tương tác và không chia cắt.*

Có lẽ khó mà tìm thấy ở đâu những biểu hiện sống động trong phép biện chứng của phát triển cho bằng mối tương tác giữa đô thị và nông thôn, giữa trung tâm và ngoại vi trong tiến trình đô thị hóa. Quản lý hiệp đô thị hóa mới ở đồng bằng sông Cửu Long cũng phải hướng vào việc tạo điều kiện cho phép biện chứng khách quan đó sớm có thể vận động trong cuộc sống. Đô thị hóa hiện đại thực chất là một quá trình kinh tế - xã hội phức hợp

1. Từ năm 1993, Chính phủ đã xác định Cần Thơ là một thành phố loại II. một thành phố của công nghiệp chế biến, một thành phố cảng và một trung tâm thị trường của toàn đồng bằng sông Cửu Long.

chứ không phải là việc đi xây các thành phố đông dân. Đành rằng trước hết đô thị hóa ở đồng bằng sông Cửu Long là sự tích tụ hóa cao độ các tiềm lực sản xuất, kinh tế, văn hóa, khoa học, thông tin vào các thành phố và trung tâm đô thị. Trong thời gian thúc đẩy quá trình tích tụ đó, đô thị hóa luôn luôn tái sản xuất ra sự khác biệt giữa trung tâm và ngoại vi. Nhưng điều còn quan trọng hơn là, đồng thời với việc khác biệt hóa đó, đô thị hóa cũng mang trong lòng nó xu hướng xóa bỏ những khác biệt ấy bằng cách kéo vùng ngoại vi lên trình độ của trung tâm. Đến lượt mình, sự lớn mạnh của ngoại vi lại trở thành kích thích tố cho sự phát triển hơn nữa của (các) trung tâm đô thị chủ đạo. *Nhịp đập* đó là nét quan trọng nhất của cơ chế đô thị hoá hiện đại. Vì vậy, theo một ý nghĩa nào đó, đồng bằng sông Cửu Long đang thực hiện đô thị hóa bằng việc dịch chuyển cơ cấu kinh tế của toàn vùng, làm tiền đề cho sự tích tụ hóa hơn nữa "quyền lực" sáng tạo vật chất, tinh thần vào các đô thị hàng đầu trong vùng. Đồng thời đó cũng là quá trình chuyển dịch và đa dạng hóa cơ cấu tay nghề, mở rộng cơ cấu năng lực cho người lao động ở cả nông thôn và đô thị, dần dần phát huy lối sống đô thị trên toàn vùng lãnh thổ. Với quan điểm này, thì chính người quản lý phát triển nông thôn đồng bằng sông Cửu Long lại phải là người có tri thức về đô thị hóa rất sớm. Đúng như đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã nói trong bài phát biểu tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7, khóa VII: "Phải xuất phát từ yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà đặt vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn".

2. Phát triển đúng tầm độ các cơ sở hạ tầng đô thị

Phát triển đúng tầm độ các cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là ở thành phố Cần Thơ và các trung tâm đô thị quan trọng ở toàn vùng. Thành phố Cần Thơ giờ đây đang cố gắng vượt thoát khỏi giai đoạn xuống cấp nghiêm trọng vừa trải qua. Muốn trở thành một thành phố đầu tàu một trung tâm thị trường của vùng, hệ thống đường bộ, đường thủy nối liền Cần Thơ và các tiểu vùng phải được hoàn thiện. Cảng Cần Thơ phải trở thành cảng chính của đồng bằng sông Cửu Long, có thể tiếp nhận tàu biển cỡ 5.000 tấn, với luồng dẫn qua cửa Định An phải được nạo vét và cải thiện. Cần thiết tập lại các chuyến bay ổn định hai chiều thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ, và sau đó nối dần Cần Thơ với các tuyến bay khác trong nước và tới một số nước trong khu vực. Hệ thống cung cấp điện, nước đô thị, hệ thống viễn thông và tiềm năng thông tin về công nghệ, về thị trường của Cần Thơ cũng cần được đầu tư nâng cấp sớm.

3. Định hướng đúng việc tiếp nhận công nghệ mới và nâng cao tay nghề cho lao động đô thị đồng bằng sông Cửu Long.

Bên cạnh trở ngại về cơ sở hạ tầng, thì tình trạng lạc hậu của công nghệ, tình trạng già cũ của trang bị máy móc, cũng như sự thiếu hụt các cơ sở đào tạo tay nghề trong sản xuất dịch vụ, quản lý... cũng đang gây cản trở cho sự phát triển của Cần Thơ và các đô thị khác trong vùng. Khắc phục các trở ngại nói trên là nội dung kinh tế - kỹ thuật, xã hội và nhân văn của quá trình tạo thành phố, làm tăng thêm sức mạnh của các trung tâm đô thị tới các vùng ngoại vi. Đồng thời đó cũng là cơ chế tiếp sức cho sự khuếch tán "tính đô thị" ngày càng đa dạng và thấu khắp trong vùng. Đại học Cần Thơ, các trung tâm Khoa học kỹ thuật và Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, cũng như các quan hệ hợp tác quốc tế thích hợp sẽ giúp đồng bằng sông Cửu Long đối đầu thắng lợi với thách đố to lớn này của phát triển.

4. Mở thêm các ngành nghề phi - nông nghiệp trong nông thôn phải được coi là một chỉ tiêu mạnh của tuyến đô thị hóa vùng ngoại vi.

Phát triển việc làm phi - nông nghiệp trong nông thôn là bí quyết thành công của nhiều nước đang phát triển, và đôi khi đã là môn thuốc hiệu nghiệm để chữa chạy tình trạng

"đô thị hóa quá mức" đối với các đô thị cực lớn⁽¹⁾.

Việc làm phi - nông nghiệp trong nông thôn bao gồm mọi hoạt động về bản chất không phải là nghề nông, được tiến hành ngay trên địa bàn nông thôn bởi lao động trong các hộ làm nông hoặc không làm nông. Có thể nói, đây là một mũi tên hiểm, có thể nhắm xuyên trúng nhiều đích quan trọng trong mục tiêu kinh tế, xã hội của một đất nước hoặc một địa bàn lớn đang phát triển. Vận dụng vào điều kiện đồng bằng sông Cửu Long, thì đây có thể là một con đường để mở một hiệp phân công lao động mới trong nông thôn, thực hiện đô thị hóa bằng nguồn năng lượng khai thác ngay từ phía xã hội nông thôn (nhân lực, tay nghề, vốn liếng). Đó cũng là một ngã đường để khắc phục tình trạng khiêm dụng lao động nông thôn, cải thiện mức sống của dân chúng trong điều kiện áp lực dân số cao, ruộng đất bình quân đầu người ngày càng giảm. Về mặt xã hội và nhân văn, đó còn là con đường chủ động vun trồng các định hướng xã hội - nghề nghiệp tiến bộ, kích thích di động xã hội hợp lý, mà không nhất thiết kèm theo hiện tượng di dân tự phát, mạo hiểm ra các đô thị lớn.

Các cuộc điều tra xã hội học của chúng tôi năm 1991 đối với 640 hộ cư dân nông thôn tại 16 xã tiêu biểu cho các tiểu vùng khác nhau ở đồng bằng sông Cửu Long cho thấy⁽²⁾: có khoảng 29% hộ cư dân nông thôn được điều tra đã có thành viên tham gia ít nhiều hoạt động phi - nông nghiệp trong nông thôn. Về mặt lao động, có khoảng 10% lao động từ 15 tuổi trở lên (trong các hộ được điều tra) đã tham gia vào loại hoạt động này. Một bộ phận các hộ hữu quan, nhờ hoạt động phi - nông nghiệp mà có được mức thu nhập khá cao với cơ cấu thu nhập thoát khỏi yếu tố thuần nông vốn đang chiếm vai trò chủ yếu trong vùng. Khoảng 1/4 tổng số các hộ có việc làm phi - nông nghiệp trong nông thôn cho biết các việc làm đó đem đến cho họ từ 1/2 đến 2/3 tổng thu nhập của hộ gia đình.

Tuy vậy, nhược điểm lớn nhất còn tồn tại là các việc làm này còn thiên về dịch vụ thương mại mà nhẹ về sản xuất, chế biến. Trình độ công nghệ, chất lượng sản phẩm, khả năng tiếp thị đều còn thấp. Tính ổn định của việc làm phi - nông nghiệp chưa cao, một phần khá lớn còn mang tính chất "lấp lỗ trống", chữa cháy trong lúc nông nhàn và bị thiếu hụt thu nhập. Để làm cho mảng hoạt động phi - nông nghiệp trong nông thôn phát triển một cách căn cơ, ổn định và an toàn, ít nhất phải hoàn thiện ba yếu tố sau đây:

- Hoàn thiện cơ chế hùn hạp và thu hút vốn, kể cả vốn của các chủ tư nhân từ phía đô thị và (hoặc) vốn từ các tập đoàn kinh tế lớn muốn tạo ra các vệ tinh chân rết trong nông thôn;
- Nhà nước hỗ trợ có chủ đích và kiên trì hơn đối với việc *lựa chọn công nghệ* và *nâng cao tay nghề* của nhóm cư dân phi - nông nghiệp;
- *Thông tin về thị trường* tốt hơn cho nhân dân để việc tiêu thụ sản phẩm thoát khỏi tình trạng bấp bênh hoặc ứ đọng.

Bốn mảng hoạt động ưu tiên hàng đầu nói trên, nhằm đẩy tới một bước quyết định tiến trình đô thị hóa đồng bằng sông Cửu Long cũng là bốn thách thức gay gắt đối với bản lĩnh của các nhà quản lý phát triển, cũng như đối với 15 triệu nhân dân trong vùng.

(1). Theo các tác giả D. Anderson và M.M Leiserson trong bài khảo luận "*Các nghề phi - nông nghiệp trong nông thôn ở các nước đang phát triển*" (Tạp chí tiếng Anh *Phát triển kinh tế và chuyển biến văn hóa*, 1980, số 28, tr.229) thì tại 15 nước đang phát triển được khảo sát, ước lượng có từ 30% - 40% lực lượng lao động nông thôn (gồm cả lao động trong các thị trấn nông thôn dưới 30.000 dân) đang chủ yếu tham gia hoạt động phi - nông nghiệp.

Các tác giả S.Mukhopadyay và Chee Peng Lim (*trong cuốn Sự phát triển và đa dạng hóa các công nghiệp nông thôn ở châu Á*, Kuala Lumpur, 1985) cho biết phần thu nhập do hoạt động phi - nông nghiệp trong nông thôn đem lại chiếm 55% tổng thu nhập các hộ nông thôn ở Philippin, và 35% tổng thu nhập của các hộ làm nông ở Thái Lan.

(2). Viện Khoa học xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh/ Tổ Kinh tế - xã hội thuộc Dự án Quy hoạch tổng thể đồng bằng sông Cửu Long (VIE: 87/031): *Phức trình phân tích cuộc điều tra kinh tế - xã hội - nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long, 1991, tr.30-31*. Xem thêm: Nguyễn Quang Vinh: *Một chiếc chìa khóa vàng để mở đường phát triển xã hội nông thôn*. Tạp chí Khoa học và Phát triển, số 36, tr. 6.10